

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẮC KẠN
TỈNH BẮC KẠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2021/HSST
Ngày 31/12/2021.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẮC KẠN – TỈNH BẮC KẠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Vi Hồng Lễ.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Đỗ Trung Xuân.
2. Bà Vi Thị Ngọc Diệp.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Kim Dung - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bắc Kạn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Kạn tham gia phiên tòa:
Ông Trần Đức Chung - Kiểm sát viên sơ cấp.

Ngày 31/12/2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bắc Kạn, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 17/2021/HSST, ngày 19/11/2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/QĐXXST- HS, ngày 07/12/2021, đối với bị cáo:

Nguyễn Thị L, sinh ngày 18/12/1990, tại Bắc Kạn;

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn N, xã Y, huyện C, tỉnh Bắc Kạn; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 12/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không ; quốc tịch: Việt nam; con ông Nguyễn Như L và bà Sầm Thị L; có chồng là Phạm Việt H, sinh năm 1983 và 01 con sinh năm 2014; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giữ, tạm giam: Không - Có mặt tại phiên tòa.

*** Người bào chữa cho bị cáo:** Ông Lý Văn Trung, sinh năm 1980; Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Bắc Kạn - Có mặt tại phiên tòa.

*** Người bị hại:** Công ty tài chính trách nhiệm hữu hạn H.

Địa chỉ: Tầng X Tòa nhà G, số x, phường Y, quận B, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Cao Văn V, sinh năm 1990 – Nhân viên Điều tra nội bộ của Công ty tài chính TNHH H.

Địa chỉ: tầng X, tòa nhà V, số xx, phường N, quận B, thành phố Hà Nội - Có mặt tại phiên tòa.

** Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Phan Hiếu T, sinh năm 1994; địa chỉ: Tổ A, phường N, thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn.

2. Bà Sầm Thị L, sinh năm 1968; địa chỉ: Thôn N, xã Y, huyện C, tỉnh Bắc Kạn.

3. Bà Hoàng Thị T, sinh năm 1961; địa chỉ: Tổ A, phường N, thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn.

4. Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1988; địa chỉ: Thôn N, xã N, huyện C, tỉnh Bắc Kạn.

5. Ông Phan Việt H, sinh năm 1983; địa chỉ: Tổ A, phường N, thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn.

6. Bà Nguyễn Thị A, sinh năm 1990; địa chỉ: Tổ X, thị trấn B, huyện C, tỉnh Bắc Kạn.

7. Bà Hà Thị D, sinh năm 1989; địa chỉ: Thôn N, xã C, huyện C, tỉnh Bắc Kạn.

8. Bà Ma Thị C, sinh năm 1989; địa chỉ: Tổ C, phường Đ, thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn.

9. Bà Hoàng Thị H, sinh năm 1995; địa chỉ: Thôn N, xã N, huyện B, tỉnh Bắc Kạn.

10. Bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1990; địa chỉ: Tổ Y, phường S, thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn.

11. Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1976; địa chỉ: Tổ K, phường H, thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn.

12. Bà Đinh Thị Y, sinh năm 1984; địa chỉ: Tổ X, phường Đ, thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn.

13. Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1988; địa chỉ: Thôn T, xã S, huyện N, tỉnh Bắc Kạn.

14. Bà Nguyễn Thị Y, sinh năm 1989; địa chỉ: Tổ A, phường Đ, thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn.

15. Ông Lý Văn Đ, sinh năm 1987; địa chỉ: Thôn N, xã N, huyện C, tỉnh Bắc Kạn.

16. Bà Nguyễn Thị Hồng N, sinh năm 1990; địa chỉ: Thôn K, xã K, huyện B, tỉnh Bắc Kạn.

17. Bà Nguyễn Thị O, sinh năm 1990; địa chỉ: Tổ B, phường P, thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn.

Tất cả đều vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

** Những người làm chứng:*

1. Bà Vũ Thị D, sinh năm 1975; địa chỉ: Tổ A, phường P, thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn.

2. Bà Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1973; địa chỉ: Tổ A, phường P, thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn.

3. Ông Đinh Ngọc T, sinh năm 1988; địa chỉ: Tổ Y, phường P, thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn.

Tất cả đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Giữa Công ty tài chính TNHH H với Cửa hàng điện máy Đ, địa chỉ tại tổ A, phường P, thành phố Bắc Kạn; cửa hàng điện máy Hương Nam, địa chỉ tại tổ A, phường P, TP Bắc Kạn; Cửa hàng T, địa chỉ tại tổ B, phường S, thành phố Bắc Kạn và Cửa hàng Viễn Thông X, địa chỉ tại tổ B, phường S, thành phố Bắc Kạn có ký kết hợp đồng hợp tác với nhau. Theo đó khi khách hàng mua các sản phẩm tại các cửa hàng trên sẽ được Công ty tài chính TNHH H hỗ trợ cho vay trả góp nếu có nhu cầu, khi hợp đồng được duyệt thì Công ty sẽ chuyển khoản số tiền khách hàng vay trả góp đến số tài khoản mà chủ cửa hàng cung cấp cho công ty khi ký kết hợp đồng.

Ngày 05/5/2017, Nguyễn Thị L ký kết hợp đồng lao động với Công ty tài chính TNHH H (gọi tắt là Công ty tài chính) làm nhân viên điểm giới thiệu dịch vụ (điện máy) tỉnh Bắc Kạn, thời hạn hợp đồng từ ngày 05/5/2017 đến ngày 04/5/2018. Lợi dụng việc từng lập hợp đồng tín dụng trả góp cho nhiều khách hàng tại các cửa hàng trên trong thời gian làm nhân viên của Công ty tài chính, Nguyễn Thị L nảy

sinh ý định sử dụng thông tin cá nhân của các khách hàng như bản phô tô các giấy chứng minh nhân dân, giấy phép lái xe, sổ hộ khẩu, hình ảnh... để làm giả hợp đồng tín dụng vay trả góp nhằm chiếm đoạt tiền của Công ty tài chính. Ngày 27/8/2017, do cần tiền chi tiêu cá nhân nên L đã sử dụng thông tin cá nhân của bà Nguyễn Thị O, sinh năm 1990, trú tại xã Đ, huyện C, tỉnh Bắc Kạn làm giả hợp đồng ED007850183 đề nghị Công ty tài chính TNHH H cấp tín dụng cho khách hàng Nguyễn Thị O vay số tiền 6.000.000^d (*Sáu triệu đồng*) để mua trả góp máy giặt nhãn hiệu PANASONIC tại cửa hàng điện máy Đ trong thời hạn 12 tháng. Sau khi hoàn thiện hồ sơ trên máy tính (do Công ty tài chính TNHH H cấp), L gửi hợp đồng đề nghị cấp tín dụng nêu trên qua mạng nội bộ để Công ty tài chính kiểm duyệt. Sau đó, bộ phận kiểm duyệt hợp đồng của Công ty tài chính đã kiểm duyệt và gửi thông báo cho L là hợp đồng đã được duyệt. Sau khi được Công ty tài chính duyệt hợp đồng nêu trên, L đã in hợp đồng ra rồi nhờ người khác ký tên vào phần: Bên vay - O - Nguyễn Thị O (Do đã lâu nên L không nhớ đã nhờ ai ký và viết hộ), đồng thời in hình ảnh chứng minh nhân dân, giấy phép lái xe mang tên Nguyễn Thị O (Trước đây O từng cho L mượn các giấy tờ trên để chụp ảnh làm thủ tục vay trả góp nên L có ảnh lưu ở điện thoại), điền thông tin vào tờ phiếu bán hàng (Phiếu thể hiện họ tên người mua hàng, sản phẩm mua, đơn giá, số tiền trả trước) và ký tên Nguyễn Thị O vào phần người nộp tiền rồi mang đến cửa hàng Đ tự đóng dấu của cửa hàng (Dấu cửa hàng không có ai quản lý) rồi gửi về Công ty tài chính. Khoảng hai ngày sau, khi nhận được hợp đồng đề nghị cấp tín dụng nêu trên, Công ty tài chính giải ngân hợp đồng tín dụng nêu trên, đồng thời chuyển khoản số tiền 6.000.000^d (*Sáu triệu đồng*) đến tài khoản số 395100001297xx của ngân hàng TMCP đầu tư và phát triển Việt Nam (BIDV) chi nhánh Bắc Kạn chủ tài khoản là bà Vũ Thị D (là người đại diện của cửa hàng điện máy Đ). Sau khi kiểm tra được thông tin này trên hệ thống máy tính, L đã gọi điện cho bà Vũ Thị D để ra cửa hàng lấy máy giặt. Trước đó, L từng nhiều lần nhận thay sản phẩm cho khách hàng nhưng chưa lần nào bị phản ánh gì nên bà D tin tưởng để L nhận hàng. Sau khi lấy được chiếc máy giặt nêu trên, L đã mang bán lấy tiền chi tiêu cá nhân hết. L đã thanh toán cho Công ty tài chính tổng số tiền gốc và lãi là 2.925.688^d (*Hai triệu, chín trăm hai mươi năm nghìn, sáu trăm tám mươi tám đồng*) đối với hợp đồng nêu trên. Chiếm đoạt số tiền 3.074.312^d (*Ba triệu, không trăm bảy mươi tư nghìn, ba trăm mười hai đồng*). Sau đó, do không có tiền nên L không tiếp tục trả gốc và lãi của hợp đồng nêu trên cho Công ty tài chính nữa. Đến ngày 14/01/2020, do không thấy khách hàng trả tiền nên nhân viên của Công ty tài chính TNHH H gọi điện thoại cho chị Nguyễn Thị O yêu cầu thanh toán khoản vay trên thì chị O mới phát hiện bản thân bị người khác sử dụng thông tin cá nhân để vay tiền trả góp của Công

ty tài chính TNHH H. Sau đó, chị O đã viết đơn trình báo sự việc đến Công ty tài chính. Đến ngày 08/9/2020 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Bắc Kạn nhận được Đơn tố cáo của Công ty tài chính TNHH H tố cáo Nguyễn Thị L về hành vi “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Tại Kết luận giám định số 40/KTHS-GĐTL, ngày 14/12/2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bắc Kạn kết luận:

“- Chữ viết, chữ ký trên các mẫu cần giám định (ký hiệu: A1, A2 và A3) là chữ viết, chữ ký trực tiếp

- Chữ ký và chữ viết dưới mục “Bên vay” trên mẫu A1, chữ ký và chữ viết “*Tôi Nguyễn Thị O xã nhận số CMND 095106902 là của tôi*”, “O”, “*Nguyễn Thị O*” trên mẫu A2; chữ ký và chữ viết dưới mục “Người nộp tiền – Khách hàng” trên mẫu A3 với chữ ký, chữ viết trên mẫu so sánh (Đơn trình báo, đề ngày 14/01/2020 – Ký hiệu M1) không phải là do cùng một người ký, viết ra.

- Chữ viết và chữ ký “*Tôi CA: Nguyễn Thị D xác nhận đã đối chiếu CMND gốc và CMND photo với h/a thực tế của KH*” “D” “*Nguyễn Thị D*” dòng 4,5,6,7 dưới lên trên mẫu A2, chữ viết trên mẫu A3 (trừ các chữ viết dưới mục “người nộp tiền – Khách hàng” và mục “Đại diện cửa hàng”) và chữ viết, chữ ký “*Tôi CA: Nguyễn Thị D xác nhận đã đối chiếu GPLX gốc và GPLX photo với h/a thực tế của KH*”, “D”, “*Nguyễn Thị D*” trên mẫu A4 với chữ viết trên mẫu so sánh (Bản cam kết, đề ngày 06/10/2020 – ký hiệu M2) là do cùng một người ký, viết ra”.

Mở rộng điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Bắc Kạn còn xác định được trong thời gian làm việc tại Công ty tài chính THHH H (từ tháng 3/2017 đến tháng 01/2018), cũng bằng với thủ đoạn nêu trên, Nguyễn Thị L còn làm giả 17 (Mười bảy) hợp đồng tín dụng vay tổng số tiền 208.880.000^d (*Hai trăm linh tám triệu, tám trăm tám mươi nghìn đồng*) của Công ty tài chính TNHH H để mua trả góp các sản phẩm tại Cửa hàng điện máy Đ; Cửa hàng điện máy H; Cửa hàng T và Cửa hàng Viễn Thông X . L đã trả cho Công ty tài chính TNHH H tổng số tiền gốc và lãi là 73.093.000^d (*Bảy mươi ba triệu không trăm chín mươi ba nghìn đồng*). Chiếm đoạt tổng số tiền là 135.787.000^d (*Một trăm ba mươi năm triệu, bảy trăm tám mươi bảy nghìn đồng*), cụ thể như sau:

1. Ngày 03/4/2017, L sử dụng hình ảnh chứng minh nhân dân; sổ hộ khẩu và thông tin cá nhân của ông Phan Hiếu T, sinh năm 1994, trú tại tổ A, phường N, thành phố Bắc Kạn để làm giả hợp đồng tín dụng số ED006445120 vay số tiền 13.000.000^d (*Mười ba triệu đồng*) của Công ty tài chính TNHH H để mua trả góp sản phẩm máy tính xách tay ASUS trị giá 14.690.000^d (*Mười bốn triệu, sáu trăm chín mươi nghìn đồng*) tại cửa hàng T. L đã trả cho Công ty tài chính TNHH H

tổng số tiền gốc và lãi là 10.828.000^d (Mười triệu, tám trăm hai mươi tám nghìn đồng). Chiếm đoạt số tiền 2.172.000^d (Hai triệu, một trăm bảy mươi hai nghìn đồng).

2. Ngày 04/5/2017, L sử dụng hình ảnh chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu và thông tin cá nhân của bà Sầm Thị L, sinh năm 1968, trú tại xã Y, huyện C, tỉnh Bắc Kạn gồm để làm giả hợp đồng tín dụng số ED006738810 vay số tiền 5.000.000^d (Năm triệu đồng) của Công ty tài chính TNHH H để mua trả góp sản phẩm TV.SAMSUNG trị giá 9.500.000^d (Chín triệu, năm trăm nghìn đồng) tại cửa hàng Đ. L đã trả cho Công ty tài chính TNHH H tổng số tiền gốc và lãi là 4.919.000^d (Bốn triệu, chín trăm mười chín nghìn đồng). Chiếm đoạt số tiền 81.000^d (Tám mươi một nghìn đồng).

3. Ngày 09/5/2017, L sử dụng hình ảnh chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu và thông tin cá nhân của bà Hoàng Thị T, sinh năm 1961, trú tại tổ A, phường N, thành phố Bắc Kạn để làm giả hợp đồng tín dụng số ED008060425 vay số tiền 3.840.000^d (Ba triệu, tám trăm bốn mươi nghìn đồng) của Công ty tài chính TNHH H để mua trả góp sản phẩm máy lọc nước KAROFI trị giá 5.840.000^d (Năm triệu, tám trăm bốn mươi nghìn đồng) tại cửa hàng điện máy H. L đã trả cho Công ty tài chính TNHH H tổng số tiền gốc và lãi là 3.154.000^d (Ba triệu, một trăm năm mươi tư nghìn đồng). Chiếm đoạt số tiền 686.000^d (Sáu trăm tám mươi sáu nghìn đồng).

4. Ngày 09/5/2017, L sử dụng hình ảnh chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu và thông tin cá nhân của bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1988, trú tại thôn N, xã N, huyện C, tỉnh Bắc Kạn để làm giả hợp đồng tín dụng số ED006786703 vay số tiền 10.000.000^d (Mười triệu đồng) của Công ty tài chính TNHH H để mua trả góp sản phẩm tủ lạnh HITACHI trị giá 17.990.000^d (Mười bảy triệu, chín trăm chín mươi nghìn đồng) tại cửa hàng Đ. L đã trả cho Công ty tài chính TNHH H tổng số tiền gốc và lãi là 6.896.000^d (Sáu triệu, tám trăm chín mươi sáu nghìn đồng). Chiếm đoạt số tiền 3.104.000^d (Ba triệu, một trăm linh bốn nghìn đồng).

5. Ngày 19/5/2017, L sử dụng hình ảnh chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu và thông tin cá nhân của ông Phan Việt H, sinh năm 1983, trú tại Tổ A, phường N, thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn để làm giả hợp đồng tín dụng số ED006871264 vay số tiền 29.900.000^d (Hai mươi chín triệu, chín trăm nghìn đồng) của Công ty tài chính TNHH H để mua trả góp sản phẩm thiết bị âm thanh PANASONIC trị giá 51.540.000^d (Năm mươi một triệu, năm trăm bốn mươi nghìn đồng) tại cửa hàng Đ. L đã trả cho Công ty tài chính TNHH H tổng số tiền gốc và lãi là 15.670.000^d

(Mười năm triệu, sáu trăm bảy mươi nghìn đồng). Chiếm đoạt số tiền 14.230.000^d (Mười bốn triệu, hai trăm ba mươi nghìn đồng).

6. Ngày 05/6/2017, L sử dụng hình ảnh chứng minh nhân dân và giấy phép lái xe của bà Nguyễn Thị A, sinh năm 1990, trú tại xã Đ, huyện C, tỉnh Bắc Kạn để làm giả hợp đồng tín dụng số ED007035715 vay số tiền 5.000.000^d (Năm triệu đồng) của Công ty tài chính TNHH H để mua trả góp sản phẩm máy lạnh SHARP trị giá 7.590.000^d (Bảy triệu, năm trăm chín mươi nghìn đồng) tại cửa hàng Đ. L đã trả cho Công ty tài chính TNHH H tổng số tiền gốc và lãi là 4.101.000^d (Bốn triệu, một trăm linh một nghìn đồng). Chiếm đoạt số tiền 899.000^d (Tám trăm chín mươi chín nghìn đồng).

7. Ngày 31/8/2017, L sử dụng hình ảnh chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu và thông tin cá nhân của bà Hà Thị D, sinh năm 1989, trú tại xã C, huyện C, tỉnh Bắc Kạn để làm giả hợp đồng tín dụng số ED007890349 vay số tiền 9.000.000^d (Chín triệu đồng) của Công ty tài chính TNHH H để mua trả góp tủ lạnh HITACHI trị giá 14.990.000^d (Mười bốn triệu, chín trăm chín mươi nghìn đồng) tại cửa hàng Đ. L đã trả cho Công ty tài chính TNHH H tổng số tiền gốc và lãi là 2.026.000^d (Hai triệu, không trăm hai mươi sáu nghìn đồng) đối với hợp đồng nêu trên. Chiếm đoạt số tiền 6.974.000^d (Sáu triệu, chín trăm bảy mươi bốn nghìn đồng).

8. Ngày 05/9/2017, L sử dụng hình ảnh chứng minh nhân dân, giấy phép lái xe và thông tin cá nhân của bà Ma Thị C, sinh năm 1989, trú tại xã N, thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn để làm giả hợp đồng tín dụng số ED007939691 vay số tiền 5.500.000^d (Năm triệu, năm trăm nghìn đồng) để mua trả góp sản phẩm bếp ga âm SUNHOUSE trị giá 7.990.000^d (Bảy triệu, chín trăm chín mươi nghìn đồng) tại cửa hàng Đ. L đã trả cho Công ty tài chính TNHH H tổng số tiền gốc và lãi là 2.647.000^d (Hai triệu, sáu trăm bốn mươi bảy nghìn đồng). Chiếm đoạt số tiền 2.853.000^d (Hai triệu, tám trăm năm mươi ba nghìn đồng).

9. Ngày 14/9/2017, L sử dụng hình ảnh chứng minh nhân dân và giấy phép lái xe của bà Hoàng Thị H, sinh năm 1995, trú tại xã L, huyện B, tỉnh Bắc Kạn để làm giả hợp đồng tín dụng số ED008023102 vay số tiền 6.000.000^d (Sáu triệu đồng) của Công ty tài chính TNHH H để mua trả góp sản phẩm tủ lạnh HITACHI trị giá 9.990.000^d (Chín triệu, chín trăm chín mươi nghìn đồng) tại cửa hàng Đ. L đã trả cho Công ty tài chính TNHH H tổng số tiền gốc và lãi là 1.787.000^d (Một triệu, bảy trăm tám mươi bảy nghìn đồng). Chiếm đoạt số tiền 4.213.000^d (Bốn triệu, hai trăm mười ba nghìn đồng).

10. Ngày 18/9/2017, L sử dụng hình ảnh chứng minh nhân dân và sổ hộ khẩu của ông Phan Việt H, sinh năm 1983, trú tại tổ A, phường N, thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn để làm giả hợp đồng tín dụng số ED008060548 vay số tiền 20.000.000^d (*Hai mươi triệu đồng*) của Công ty tài chính TNHH H để mua sản phẩm Bếp ga âm SUNHOUSE trị giá 9.990.000^d (*Chín triệu, chín trăm chín mươi nghìn đồng*); Máy lạnh DAIKIN trị giá 8.990.000^d (*Tám triệu, chín trăm chín mươi nghìn đồng*); TV SAMSUNG trị giá 22.990.000^d (*Hai mươi hai triệu, chín trăm chín mươi nghìn đồng*) tại cửa hàng Đ. L đã trả cho Công ty tài chính TNHH H tổng số tiền gốc và lãi là 5.824.000^d (*Năm triệu, tám trăm hai mươi tư nghìn đồng*). Chiếm đoạt số tiền 14.176.000^d (*Mười bốn triệu, một trăm bảy mươi sáu nghìn đồng*).

11. Ngày 17/10/2017, Nguyễn Thị L sử dụng hình ảnh chứng minh nhân dân của bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1990, trú tại xã L, huyện N, tỉnh Bắc Kạn để làm giả hợp đồng tín dụng số ED008325486 vay số tiền 6.000.000^d (*Sáu triệu đồng*) của Công ty tài chính TNHH H để mua trả góp sản phẩm là TV SAMSUNG trị giá 7.980.000^d (*Bảy triệu, chín trăm tám mươi nghìn đồng*) tại cửa hàng Đ. L đã trả cho Công ty tài chính TNHH H tổng số tiền gốc và lãi là 3.330.000^d (*Ba triệu, ba trăm ba mươi nghìn đồng*). Chiếm đoạt số tiền 2.670.000^d (*Hai triệu, sáu trăm bảy mươi nghìn đồng*).

12. Ngày 14/11/2017, L sử dụng hình ảnh, sổ hộ khẩu của bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1976, trú tại thôn K, xã H, thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn để làm giả hợp đồng tín dụng số ED008534773 vay số tiền 4.190.000^d (*Bốn triệu, một trăm chín mươi nghìn đồng*) của Công ty tài chính TNHH H để mua trả góp sản phẩm điện thoại APPLE IPHONE 6 trị giá 8.490.000^d (*Tám triệu, bốn trăm chín mươi nghìn đồng*) tại cửa hàng Viễn Thông X. L đã trả cho Công ty tài chính TNHH H tổng số tiền gốc và lãi là 1.988.000^d (*Một triệu, chín trăm tám mươi tám đồng*). Chiếm đoạt số tiền 2.202.000^d (*Hai triệu, hai trăm linh hai nghìn đồng*).

13. Ngày 23/11/2017, L sử dụng hình ảnh chứng minh nhân dân và sổ hộ khẩu của bà Đinh Thị Y, sinh năm 1984, trú tại thôn B, xã T, huyện N, tỉnh Bắc Kạn để làm giả hợp đồng tín dụng số ED008660806 vay số tiền 20.980.000^d (*Hai mươi triệu, chín trăm tám mươi nghìn đồng*) của Công ty tài chính TNHH H để mua trả góp sản phẩm Bếp ga âm SUNHOUSE trị giá 9.990.000^d (*Chín triệu, chín trăm chín mươi nghìn đồng*); TV SAMSUNG trị giá 29.990.000^d (*Hai mươi chín triệu, chín trăm chín mươi nghìn đồng*) tại cửa hàng Đ. L đã trả cho Công ty tài chính TNHH H tổng số tiền gốc và lãi là 7.682.000^d (*Bảy triệu, sáu trăm tám mươi hai*

ngàn đồng). Chiếm đoạt số tiền 13.298.000^d (Mười ba triệu, hai trăm chín mươi tám ngàn đồng).

14. Ngày 06/12/2017, L sử dụng hình ảnh chứng minh nhân dân và sổ hộ khẩu của bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1988, trú tại xã L, huyện N, tỉnh Bắc Kạn để làm giả hợp đồng tín dụng số ED008786009 vay số tiền 27.970.000^d (Hai mươi bảy triệu, chín trăm bảy mươi ngàn đồng) của Công ty tài chính TNHH H để mua trả góp các sản phẩm gồm Tủ lạnh HITACHI trị giá 18.990.000^d (Mười tám triệu, chín trăm chín mươi ngàn đồng); TV SAMSUNG trị giá 21.990.000^d (Hai mươi một triệu, chín trăm chín mươi ngàn đồng); Máy giặt ELECTROLUX trị giá 12.990.000^d (Mười hai triệu, chín trăm chín mươi ngàn đồng) tại cửa hàng Đ. L đã trả cho Công ty tài chính TNHH H tổng số tiền gốc và lãi là 1.586.000^d (Một triệu, năm trăm tám mươi sáu ngàn đồng). Chiếm đoạt số tiền 26.384.000^d (Hai mươi sáu triệu, ba trăm tám mươi bốn ngàn đồng).

15. Ngày 11/12/2017, L sử dụng hình ảnh chứng minh nhân dân và giấy phép lái xe của bà Nguyễn Thị Y, sinh năm 1989, trú tại xã Đ, huyện C, tỉnh Bắc Kạn để làm giả hợp đồng tín dụng số ED008845412 vay số tiền 6.500.000^d (Sáu triệu, năm trăm ngàn đồng) của Công ty tài chính TNHH H để mua trả góp sản phẩm tủ lạnh LG trị giá 9.500.000^d (Chín triệu, năm trăm ngàn đồng) tại cửa hàng Đ. L đã trả cho Công ty tài chính TNHH H tổng số tiền gốc và lãi là 655.000^d (Sáu trăm, năm mươi năm ngàn đồng). Chiếm đoạt số tiền 5.845.000^d (Năm triệu, tám trăm bốn mươi năm ngàn đồng).

16. Ngày 02/01/2018, L sử dụng hình ảnh chứng minh nhân dân và giấy phép lái xe của ông Lý Văn Đ, sinh năm 1987, trú tại xã N, huyện C, tỉnh Bắc Kạn để làm giả hợp đồng tín dụng số ED009059459 vay số tiền 15.000.000^d (Mười năm triệu đồng) của Công ty tài chính TNHH H để mua trả góp sản phẩm TV PANASONIC trị giá 22.990.000^d (Hai mươi hai triệu, chín trăm chín mươi ngàn đồng) tại cửa hàng Đ. Đến nay, L chưa trả cho Công ty tài chính TNHH H khoản tiền nào đối với hợp đồng tín dụng nêu trên.

17. Ngày 09/01/2018, L sử dụng hình ảnh chứng minh nhân dân, giấy phép lái xe, giấy khai sinh của bà Nguyễn Thị Hồng N, sinh năm 1990, trú tại xã Đ, huyện C, tỉnh Bắc Kạn để làm giả hợp đồng tín dụng số ED009139432 vay số tiền 21.000.000^d (Hai mươi một triệu đồng) của Công ty tài chính TNHH H để mua trả góp sản phẩm tủ lạnh HITACHI trị giá 30.090.000^d (Ba mươi triệu, không trăm chín mươi ngàn đồng) tại cửa hàng Đ. Đến nay, L chưa trả cho Công ty tài chính TNHH H khoản tiền nào đối với hợp đồng tín dụng nêu trên.

Với các hành vi nêu trên, tại bản cáo trạng số 69/CT-VKSTP, ngày 18/11/2021 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Kạn đã truy tố bị cáo Nguyễn Thị L về tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*" theo điểm c khoản 2 Điều 174/BLHS.

Điều luật có nội dung:

"1. Người nào bằng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng..., thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:

c) Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng

...

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản".

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Kạn vẫn giữ nguyên bản cáo trạng đã truy tố, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị L phạm tội "*lừa đảo chiếm đoạt tài sản*".

Về hình phạt: Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 174; Điều 38; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm b,s khoản 1 Điều 51/BLHS. Đề nghị xử phạt bị cáo từ 36 đến 48 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48/BLHS và các Điều 584, 585, 586, 589/BLDS. Buộc bị cáo Nguyễn Thị L phải bồi thường cho Công ty tài chính TNHH H tổng số tiền là 138.861.312^d (*Một trăm ba mươi tám triệu, tám trăm sáu mươi một nghìn, ba trăm mười hai đồng*).

Đối với những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan mà bị cáo dùng thông tin cá nhân để làm hồ sơ vay tín dụng của Công ty tài chính TNHH H có yêu cầu xóa nợ xấu trên hệ thống của Trung tâm thông tin tín dụng Quốc gia Việt Nam CIC, đề nghị Tòa án buộc Công ty tài chính TNHH H làm thủ tục xóa nợ xấu trên hệ thống của Trung tâm thông tin tín dụng Quốc gia Việt Nam CIC.

Về vật chứng: Áp dụng Điều 47/ BLHS và Điều 106/BLTTHS. Tạm giữ của bị cáo Nguyễn Thị L số tiền 6.500.000^d (*Sáu triệu, năm trăm nghìn đồng*) để thi

hành án. Lưu giữ theo hồ sơ vụ án 18 (Mười tám) hồ sơ hợp đồng vay tín dụng mà bị cáo Nguyễn Thị L làm giả.

Về án phí: Bị cáo được miễn toàn bộ án phí.

Người bào chữa cho bị cáo không có ý kiến gì tranh luận với đại diện Viện Kiểm sát và trình bày lời bào chữa: Việc truy tố xét xử bị cáo là đúng người, đúng tội nhưng đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo hưởng các tình tiết giảm nhẹ là thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đã nộp một số tiền nhằm khắc phục hậu quả, là dân tộc thiểu số sống ở vùng sâu, vùng xa nơi có điều kiện kinh tế đặc biệt khó khăn. Đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất.

Quá trình tranh luận, bị cáo và người bào chữa cho bị cáo không có ý kiến gì tranh luận với đại diện Viện kiểm sát. Đại diện bị hại có tranh luận với đại diện Viện kiểm sát về mức bồi thường, đại diện Viện kiểm sát đã giải thích cho đại diện bị hại về việc yêu cầu bồi thường không đúng theo quy định của pháp luật. Kết thúc phần tranh luận, bị cáo nói lời sau cùng: xin được hưởng mức án nhẹ nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên và tính hợp pháp của các chứng cứ, tài liệu do Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên thu thập: Các hành vi, quyết định tố tụng và các chứng cứ, tài liệu do Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp và đúng theo quy định của pháp luật.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Trong khoảng thời gian từ ngày 03/4/2017 đến ngày 09/01/2018, tại thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn. Nguyễn Thị L có hành vi sử dụng bản photo giấy chứng minh nhân dân, giấy phép lái xe, sổ hộ khẩu và hình ảnh cá nhân của người khác làm giả 18 hợp đồng vay tín dụng của Công ty tài chính TNHH H để mua trả góp các sản phẩm tại Cửa hàng điện máy Đ; Cửa hàng điện máy H; Cửa hàng T và Cửa hàng Viễn Thông X, chiếm đoạt tổng số tiền 138.861.312^d (Một trăm ba mươi tám triệu, tám trăm sáu mươi một nghìn, ba trăm mười hai đồng) của Công ty tài chính TNHH H.

Tổng hợp các chứng cứ lại, đánh giá diễn biến khách quan của vụ án thấy việc truy tố, xét xử bị cáo Nguyễn Thị L về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo điểm c khoản 2 Điều 174/BLHS là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] *Đánh giá tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:* Xét tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội của bị cáo: Hành vi của bị cáo thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, hành vi đó đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ; gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự, trị an xã hội tại địa phương. Vì vậy cần phải xử lý bằng pháp luật hình sự nhằm giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

Xét nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo: Bị cáo Nguyễn Thị L có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, tiền sự; phải chịu một tình tiết tăng nặng là “*Phạm tội 02 lần trở lên*” được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52/BLHS; được hưởng các tình tiết giảm nhẹ là “*Người phạm tội tự nguyện bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả*” và “*Thành khẩn khai báo*” được quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51/BLHS.

Hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo không có tài sản và nguồn thu nhập nào, không có công việc ổn định, khi áp dụng hình phạt bổ sung thì không có tính khả thi, vì vậy không áp dụng đối với bị cáo.

[4] *Về trách nhiệm dân sự:* Người bị hại là Công ty tài chính TNHH H yêu cầu bị cáo phải bồi thường tổng số tiền là 224.639.402^d (*Hai trăm hai mươi tư triệu, sáu trăm ba mươi chín nghìn, bốn trăm linh hai đồng*) bao gồm tiền gốc, tiền lãi và phí phạt. Xét thấy yêu cầu bồi thường của Công ty tài chính TNHH H là không đủ cơ sở, vì hợp đồng mà bị cáo Nguyễn Thị L làm giả với Công ty tài chính là hợp đồng giả mạo, vì vậy theo quy định của Bộ luật dân sự thì giao dịch trên là giao dịch dân sự vô hiệu. Do đó chỉ buộc bị cáo phải bồi thường đối với số tiền chiếm đoạt thực tế.

Đối với những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan mà bị Nguyễn Thị L sử dụng hình ảnh chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu, giấy phép lái xe để làm giả hợp đồng vay tín dụng không yêu cầu bị cáo phải bồi thường nhưng yêu cầu Công ty tài chính TNHH H làm thủ tục xóa nợ xấu trên hệ thống của Trung tâm thông tin tín dụng Quốc gia Việt Nam CIC. Xét thấy yêu cầu của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là có cơ sở. Vì vậy buộc Công ty tài chính TNHH H phải xóa nợ xấu trên hệ thống của Trung tâm thông tin tín dụng Quốc gia Việt Nam CIC đối với những người trên. (Tại phiên tòa đại diện Công ty tài chính TNHH H nhất trí với

yêu cầu của những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và sẽ thực hiện theo quy định của pháp luật).

[5] *Về vật chứng*: Tạm giữ của bị cáo số tiền 6.500.000^d (Sáu triệu, năm trăm nghìn đồng) của bị cáo để đảm bảo thi hành án. Đối với 18 (Mười tám) hồ sơ hợp đồng vay tín dụng mà Nguyễn Thị L làm giả cần lưu giữ theo hồ sơ vụ án.

[6] *Về án phí*: Do bị cáo là đồng bào dân tộc thiểu số ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn. Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, bị cáo được miễn toàn bộ án phí hình sự sơ thẩm.

[7] Trong vụ án này, có bà Vũ Thị D (chủ cửa hàng điện máy Đ). Qua điều tra xác định, có 15 (mười lăm) hợp đồng vay tín dụng Nguyễn Thị L làm giả để mua trả góp các sản phẩm tại cửa hàng điện máy Đ. Tuy nhiên, bà D không biết việc L làm giả các hợp đồng nêu trên để chiếm đoạt tiền của Công ty tài chính THHH H. Tất cả các hợp đồng mua trả góp do L làm giả sau khi được Công ty tài chính TNHH H giải ngân chuyển tiền vào tài khoản của cửa hàng thì bà D đã giao các sản phẩm trả góp cho L để L giao cho khách (kèm theo một hóa đơn bán hàng có đóng dấu của cửa hàng để làm căn cứ việc giao nhận sản phẩm, hóa đơn này L cho khách hàng ký vào mục người mua hàng, L ký vào mục người bán hàng và chuyển lại cho bà D), bà D không được hưởng lợi gì từ việc L làm giả các hợp đồng trên. Do đó, không có căn cứ để xem xét xử lý đối với bà Vũ Thị D.

Đối với bà Nguyễn Thị Thu H (chủ cửa hàng điện máy H). Qua điều tra xác định có 01 (một) hợp đồng vay tín dụng Nguyễn Thị L làm giả để mua trả góp sản phẩm tại cửa hàng điện máy H. Tuy nhiên, bà H không biết việc L làm giả hợp đồng và không được hưởng lợi gì từ việc L làm giả hợp đồng trên. Bà H khẳng định đối với các khách hàng mua trả góp sản phẩm thì sau khi Công ty tài chính THHH H giải ngân chuyển tiền vào tài khoản của cửa hàng thì cửa hàng sẽ giao sản phẩm cho khách hàng. Hiện nay, cửa hàng không còn lưu phiếu xuất kho hay hóa đơn bán hàng để cung cấp cho Cơ quan điều tra. Do đó, không có căn cứ xem xét xử lý đối với bà Nguyễn Thị Thu H.

Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra xác định có một hợp đồng tín dụng Nguyễn Thị L làm giả mua sản phẩm trả góp tại cửa hàng T có địa chỉ tại tổ B, phường S, thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn. Quá trình làm việc với Cơ quan điều tra ông Đinh Ngọc T quản lý chi nhánh T Bắc Kạn cho biết: Ngày 03/4/2018 có hợp đồng tín dụng mua trả góp số ED006445120 lập tại cửa hàng T Bắc Kạn mang tên người mua hàng là Phan Hiếu T. Tuy nhiên, cửa hàng không biết việc Nguyễn

Thị L làm giả hợp đồng và cũng không được hưởng lợi gì từ việc L làm giả hợp đồng trên. Đối với các khách hàng mua trả góp sản phẩm thì sau khi các Công ty tài chính THHH H giải ngân chuyển tiền vào tài khoản của cửa hàng thì cửa hàng sẽ giao sản phẩm cho khách hàng. Cửa hàng không còn lưu phiếu xuất kho hay hóa đơn bán hàng nên không có tài liệu gì cung cấp cho Cơ quan điều tra. Do vậy, không có căn cứ để xem xét xử lý đối với các cá nhân có liên quan.

Đối với 01 (một) hợp đồng vay tín dụng Nguyễn Thị L làm giả mua sản phẩm trả góp tại cửa hàng Viễn Thông X Bắc Kạn thời điểm đó có địa chỉ tại tổ B, phường S, thành phố Bắc Kạn. Tuy nhiên, hiện nay cửa hàng không còn hoạt động trên địa bàn nên Cơ quan điều tra không tiến hành xác minh được.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Thị L phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

- Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 174; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 38/ BLHS.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị L 36 (Ba mươi sáu) tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bắt thi hành án.

2. Về trách nhiệm dân sự: - Áp dụng Điều 48/BLHS và các Điều 122,123,124,127,131, 584, 585, 586, 589/BLDS. Buộc bị cáo Nguyễn Thị L phải bồi thường cho Công ty tài chính trách nhiệm hữu hạn H có địa chỉ: Tầng X Tòa nhà G, số x, phường Y, quận B, thành phố Hồ Chí Minh tổng số tiền là 138.861.312^d (*Một trăm ba mươi tám triệu, tám trăm sáu mươi một nghìn, ba trăm mười hai đồng*).

Việc thi hành án khoản tiền bồi thường được thực hiện theo Điều 357 của Bộ luật dân sự:

“1. Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

2. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật này; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này”.

3. Về vật chứng: - Áp dụng Điều 47/ BLHS và Điều 106/ BLTTHS.

+ Tạm giữ của bị cáo Nguyễn Thị L số tiền 6.500.000^d (Sáu triệu, năm trăm nghìn đồng) để đảm bảo thi hành án. (Tình trạng như biên bản bàn giao giữa Công an và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bắc Kạn ngày 23/12/2021)

+ Lưu giữ theo hồ sơ vụ án 18 (Mười tám) hồ sơ hợp đồng vay tín dụng mà bị cáo Nguyễn Thị L làm giả. (Hiện nay đang lưu giữ theo hồ sơ vụ án).

4.Về án phí: - Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Bị cáo Nguyễn Thị L được miễn toàn bộ án phí hình sự, dân sự sơ thẩm.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7a,7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Án xử công khai sơ thẩm; có mặt bị cáo, bị hại. Báo cho biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKS tỉnh;
- VKSND thành phố;
- CQTHAHS Công an TP;
- CQCSĐT Công an TP;
- Chi cục THA thành phố;
- Sở tư pháp tỉnh;
- Bị cáo; bị hại; người liên quan;
- Hồ sơ;
- Lưu.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Vi Hồng Lễ

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẮC KẠN
TỈNH BẮC KẠN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi 10h 00' ngày 26 tháng 10 năm 2018.

Tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn.

Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Vi Hồng Lễ.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Vũ Thị Kim Quỳnh và ông Lương Văn Thiết.

Tiến hành nghị án đối với vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 19/TLST-HS ngày 17/8/2018. Đối với bị cáo Lăng Thị Huệ - sinh năm 1990, tại Bắc Kạn.

Căn cứ vào các chứng cứ và các tài liệu đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH
CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:**

1, Về tội danh: Bị cáo Lăng Thị Huệ phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

Kết quả biểu quyết: 3/3.

2, Về điều luật áp dụng:

- Áp dụng khoản 1 Điều 139; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46/BLHS năm 1999.

Kết quả biểu quyết: 3/3.

3, Về mức hình phạt:

Xử phạt bị cáo Lăng thị Huệ 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bắt thi hành án.

Kết quả biểu quyết: 3/3.

4, Các vấn đề khác:

* Về án phí:

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Lăng Thị Huệ phải chịu 200.000^d (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, người bị hại có mặt, có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Kết quả biểu quyết: 3/3.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Thị Kim Quỳnh – Lương Văn Thiết

Vi Hồng Lễ

